

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 1416/2025/DS-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Ông Phạm Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2025/TLST-DS ngày 04/3/2025, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2025/QĐXXST-DS ngày 11/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 354/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cty S; địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tháp C, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất S, thuộc khu chức năng số Z- Số X, đường T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty D; địa chỉ: B (tầng trệt) đường N, Phường F, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Nguyễn Thành T, sinh năm 1996; địa chỉ: 360 đường V, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lưu Thị Diệu H, sinh năm 1980; địa chỉ: 27/1E ấp A, xã B (ấp C, xã T, huyện Hóc Môn cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Cty S, có người đại diện hợp pháp là ông Trần Nguyễn Thành T trình bày:

Cty S cho bà H vay tín chấp số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng/kỳ (trả gốc và lãi hàng tháng vào ngày 10 mỗi tháng), lãi suất vay 33.5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mục đích mua đồ dùng, trang thiết bị gia đình, theo Hợp đồng cho vay số 100331885 ngày 21/7/2020 kèm Bản điều khoản cơ bản của hợp đồng cho vay. Công ty đã giải ngân đủ số tiền vay cho bà H qua số tài khoản 85284066 tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Từ tháng 8/2020 đến tháng 3/2022, bà H đã thanh toán 20 kỳ tổng số tiền là 82.102.982 đồng, gồm 33.239.377 đồng nợ gốc, 47.995.203 đồng lãi trong hạn, 868.402 đồng lãi quá hạn. Từ kỳ thứ 21 (tháng 4/2022) đến nay, bà H không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản nợ còn lại đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ tháng 4/2022. Tính đến ngày 28/4/2025, bà H còn nợ Công ty số tiền 166.218.378 đồng, gồm nợ gốc là 66.760.623 đồng, lãi trong hạn là 33.072.640 đồng, các khoản phát sinh do nợ quá hạn là 66.385.115 đồng.

Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán ngay tổng số tiền còn nợ nêu trên; buộc bà H phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi, phí theo thỏa thuận tại Hợp đồng kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Bị đơn là bà Lưu Thị Diệu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa:

Phía nguyên đơn gửi văn bản yêu cầu bị đơn bà H phải thanh toán ngay số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 181.464.999 đồng, gồm nợ gốc là 66.760.623 đồng, tiền lãi trong hạn là 33.072.640 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.037.382 đồng, tiền lãi chậm trả là 11.594.354 đồng; yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hồ sơ tín dụng, bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi phát sinh do nguyên đơn cung cấp, có căn cứ xác định bà H đã vay và còn nợ số tiền đúng như nguyên đơn trình bày. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu người vay tiền thanh toán khoản vay có mục đích tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng đã ký. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Bà Điểm, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lưu Thị Diệu H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc, số tiền 66.760.623 đồng:

Căn cứ Phiếu đề nghị cấp khoản vay số 50007117 ngày 15/7/2020, Hợp đồng cho vay số 100331885 ngày 21/7/2020, Cam kết nhận khoản vay & yêu cầu giải ngân ngày 21/7/2020, Lịch trả nợ ngày 21/7/2020 và trình bày của nguyên đơn, xác định bà H đã vay của Cty S số tiền 100.000.000 đồng và số tiền này đã được chuyển vào tài khoản số 85284066 mang tên bà Lưu Thị Diệu H mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Chi nhánh Hồ Chí Minh .

Theo hợp đồng, bà H có nghĩa vụ thanh toán mỗi tháng 3.772.259 đồng, tháng cuối là 3.772.270 đồng vào ngày 10 hàng tháng trong 48 tháng tính từ ngày 10/8/2020. Bà H thanh toán đúng trong 20 tháng đầu từ ngày 10/8/2020 đến ngày 10/3/2022, tổng số tiền gốc đã thanh toán là 33.239.377 đồng. Kể từ tháng thứ 21 ngày 10/4/2022, bà H không tiếp tục thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng đã ký. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán khoản nợ gốc còn nợ 100.000.000 đồng - 33.239.377 đồng = 66.760.623 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi, lãi chậm trả tính đến ngày 26/9/2025:

Theo hợp đồng, lãi suất trong hạn là 33,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (50,25%/năm), lãi chậm trả là 10% x số dư lãi chậm trả x số ngày chậm trả. Mức lãi suất nêu trên là thỏa thuận tự nguyện của hai bên, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, các Điều 7, 8, 10 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Như nhận định tại mục [3.1], bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc từ tháng thứ 21 ngày 10/4/2022 nên phải chịu lãi suất nợ quá hạn và lãi suất chậm trả trên nợ lãi theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng kể từ ngày vi phạm.

Đối chiếu với Bảng kê chi tiết nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày

26/9/2025 do nguyên đơn cung cấp, xác định tiền lãi mà bà H còn nợ là 114.704.376 đồng, gồm tiền lãi trong hạn là 33.072.640 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.037.382 đồng, tiền lãi chậm trả là 11.594.354 đồng là đúng thỏa thuận tự nguyện của các bên, phù hợp các quy định viện dẫn nêu trên.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán tổng tiền lãi, lãi quá hạn, lãi chậm trả tính đến ngày 26/9/2025 nêu trên là có căn cứ chấp nhận; ngoài ra, bà H còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi, lãi chậm trả theo mức lãi suất tại hợp đồng từ ngày 27/9/2025 đến khi trả xong nợ.

[4] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *”Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”*. Bà H không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải tự chịu trách nhiệm. Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ đã thu thập được để giải quyết vụ án.

[5] Nội dung phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí có giá ngạch tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 7, 8, 10, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc bà Lưu Thị Diệu H phải thanh toán cho Cty S tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 181.464.999 đồng (một trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi chín đồng), gồm nợ gốc là

66.760.623 đồng, tiền lãi trong hạn là 33.072.640 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.037.382 đồng, tiền lãi chậm trả là 11.594.354 đồng, theo Hợp đồng cho vay số 100331885 ngày 21/7/2020, giữa bên cho vay là Cty S và bên vay là bà Lưu Thị Diệu H.

Kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, tiền lãi quá hạn, tiền lãi phạt chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị Diệu H phải chịu số tiền 9.073.250 đồng (chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm năm mươi đồng), thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Cty S số tiền 3.804.585 đồng (ba triệu tám trăm linh tư nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0081726 ngày 04/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV8, TP.HCM;
- THADS KV8, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.

(Đã ký)

Phạm Văn Huy

